

Số: 15/KH-CL

Tân Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2020

KẾ HOẠCH
TỔ CHỨC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC : 2020 – 2021

Căn cứ văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hợp nhất thông tư 30/2014/TT-BGDĐT và thông tư 22/2016/TT-BGDĐT quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 27/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ công văn số 3694/GDĐT-TH ngày 24/10/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp Tiểu học kể từ năm học 2018-2019;

Căn cứ công văn số 3863/GDĐT-TH ngày 18/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT;

Căn cứ công văn số 1900/KH-TiH ngày 30/11/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn kiểm tra định kì cuối Hki và thực hiện một số công việc chuẩn bị sơ kết cấp Tiểu học năm học 2020 – 2021.

Căn cứ kế hoạch số 36/KH-CL ngày 16/09/2020 về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2020-2021 của trường Tiểu học Chi Lăng;

Nay trường Chi Lăng đề ra kế hoạch tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì I năm học 2020 – 2021 như sau :

I. THỜI GIAN KIỂM TRA

- Tuần 16 và tuần 17: Kiểm tra các môn Khoa học, Lịch sử-Địa lý, Tiếng Việt, Toán, Tin học, chương trình tiếng Anh đối với các Khối 2, 3, 4 và 5.

- Môn tin học và tiếng Anh lớp 1 là môn tự chọn nên không kiểm tra đánh giá học sinh theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT thông tư Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

- Thời gian kiểm tra từ 21/12/2020 đến 31/12/2020.

- Giáo viên có mặt 7 giờ 10 phút buổi sáng và 13 giờ 10 phút buổi chiều để làm công tác giám thị. Học sinh bắt đầu giờ thi buổi sáng lúc 7 giờ 30 phút và buổi chiều lúc 13 giờ 40 phút.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Đối với lớp 1: Thực hiện theo Thông tư số 27/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành quy định đánh giá học sinh

tiểu học (lộ trình năm học 2020-2021 đối với lớp 1). Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kì (điều 12, khoản 2, điểm c): Tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kì cho các lớp. Đề kiểm tra cần có sự thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo khách quan, chất lượng của đề kiểm tra. Đề kiểm tra do giáo viên dạy môn học biên soạn, sau đó nộp về tổ chuyên môn, Tổ chuyên môn chọn lọc và thống nhất gửi về 02 đề (Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng phê duyệt). Nhà trường chịu trách nhiệm duyệt đề và chọn lại 01 đề chính thức và 01 đề dự phòng làm đề kiểm tra cho khối.

- Đề kiểm tra định kì phù hợp với yêu cầu cần đạt và các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

+ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập;

+ Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự;

+ Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống.

Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh. Điểm của bài kiểm tra định kỳ không dùng để so sánh học sinh này với học sinh khác. Nếu kết quả bài kiểm tra cuối học kỳ I và cuối năm học bất thường so với đánh giá thường xuyên, giáo viên đề xuất với nhà trường có thể cho học sinh làm bài kiểm tra khác để đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh.

1.1. Môn Tiếng Việt

Nội dung kiểm tra

- Nội dung kiểm tra ở mỗi kì kiểm tra cần được xác định rõ ràng. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt đối với môn Tiếng Việt lớp 1 vào cuối năm học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng cùng tổ chuyên môn xác định yêu cầu cần đạt đối với từng “**chặng**” (cuối học kỳ I và cuối năm học):

+ Các câu hỏi, bài tập trong đề kiểm tra có thể là câu hỏi trắc nghiệm khách quan (nhiều lựa chọn, trả lời ngắn, đúng – sai, nối,...) hoặc tự luận. Cần tăng cường loại câu hỏi mở, bài tập phát huy năng lực tư duy của học sinh;

+ Tỷ lệ số câu, số điểm theo các mức và hình thức câu hỏi trong đề kiểm tra (trắc nghiệm khách quan, tự luận, hình thức khác) do hiệu trưởng quyết định, đảm bảo yêu cầu cần đạt được môn học, phù hợp với đối tượng học sinh;

+ Tùy theo từng trường có thể đưa ra tỷ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của đơn vị.

Ví dụ: Mức 1: Khoảng 50%; Mức 2: Khoảng 30%; Mức 3: Khoảng 20%.

- Thời lượng làm bài kiểm tra **khoảng 30 – 40 phút** (theo thời gian của 01 tiết học).

Ma trận đề kiểm tra

- Ma trận nội dung: mỗi ô nêu nội dung kiến thức, kỹ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi;

- Ma trận câu hỏi: mỗi ô nêu hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi;

- Căn cứ để kiểm tra, đánh giá: những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe được quy định trong Chương trình môn Tiếng Việt lớp 1.

Cấu trúc đề kiểm tra

Đề kiểm tra cuối học kì I gồm có các nội dung sau:

a) Kiểm tra đọc (10 điểm) - (kết hợp kiểm tra nghe nói), có thể kiểm tra những nội dung sau:

- + Đọc thành tiếng các chữ cái và tổ hợp chữ cái ghi âm, ghi vần đã học;
- + Đọc tiếng và đọc từ kết hợp hiểu nghĩa từ có gợi ý bằng hình ảnh;
- + Đọc câu kết hợp với hiểu nghĩa có gợi ý bằng hình ảnh;
- + Đọc đoạn ngắn và trả lời câu hỏi để nhận biết được thông tin quan trọng trong đoạn.

b) Kiểm tra viết (10 điểm), có thể kiểm tra những nội dung sau:

- + Viết chữ cái, vần mới học;
- + Viết từ ngữ chứa tiếng có vần mới;
- + Điền từ vào chỗ trống để hoàn thành câu;
- + Viết lại câu ngắn.

2.2.3.2. Ma trận đề và cách thức kiểm tra đọc, kiểm tra viết

(Tham khảo mục 4.1.3.2 tại công văn số 3863/GDDT-TH ngày 18/11/2020 của Sở GD&ĐT).

- Xây dựng ma trận nội dung và ma trận câu hỏi phù hợp với yêu cầu cần đạt ở cuối học kì I môn Tiếng Việt lớp 1.

- Cần có hướng dẫn cụ thể, chi tiết cách tiến hành và hướng dẫn đánh giá, cho điểm của bài kiểm tra đọc (kiểm tra đọc thành tiếng + nghe nói và bài đọc hiểu), kiểm tra viết (bài chính tả + bài tập chính tả và câu).

- Kiểm tra đọc thành tiếng + nghe nói (**6 điểm**); bài đọc hiểu (**4 điểm**).

- Kiểm tra viết chính tả (**6 điểm**); bài tập chính tả và câu (**4 điểm**).

1.2. Đối với môn Toán

1.2.1. Thời gian làm bài

- Lớp 1: 30 - 40 phút (theo thời gian của 1 tiết học)

1.2.2. Nội dung kiểm tra

- Căn cứ vào yêu cầu cần đạt đối với môn Toán lớp 1 vào mỗi giai đoạn học kì I (54 tiết) hoặc khi hết năm học lớp 1 (105 tiết) được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Toán, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng cùng tổ chuyên môn xác định yêu cầu cần đạt trong đề kiểm tra.

- Căn cứ vào thời lượng, nội dung chương trình, phân phối tỉ lệ theo mạch kiến thức:

+ Số học khoảng 80%: Số tự nhiên (Đếm, đọc viết các số trong phạm vi 100, so sánh các số trong phạm vi 100); Các phép tính với số tự nhiên (Phép cộng, phép trừ, tính nhẩm, thực hành giải quyết các vấn đề liên quan đến các phép tính cộng, trừ);

+ Hình học và đo lường khoảng 20%: Hình phẳng và hình khối (Quan sát, nhận biết hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản, thực hành lắp ghép, xếp hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đơn giản); Đo lường (Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng, thực hành đo đại lượng).

+ Tổ chuyên môn thống nhất có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của trường.

Ví dụ: Mức 1: Khoảng 50%; Mức 2: Khoảng 30%; Mức 3: Khoảng 20%.

- Thời lượng làm bài kiểm tra **khoảng 30 – 40 phút** (theo thời gian của 01 tiết học).

1.2.3. Ma trận kiểm tra

a) Ma trận nội dung: mỗi ô nêu nội dung kiến thức, kỹ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi.

Mạch kiến thức	Số câu	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Số học	Số câu	2	2	1	1		2	3	5
	Số điểm	2	2	1	1		2	3	5
Hình học và đo lường	Số câu		1		1				2
	Số điểm		1		1				2
	Số câu	2	3	1	2		2	3	7
	Số điểm	2	3	1	2		2	3	7

b) Ma trận câu hỏi: mỗi ô nêu hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi.

Chủ đề		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
Số học	Số câu	4	2	2	8
	Câu số	1, 3, 4, 5	6, 7	9, 10	
Hình học và đo lường	Số câu	1	1		2
	Câu số	2	8		
Tổng		5	3	2	10

- Căn cứ để kiểm tra, đánh giá: những yêu cầu cần đạt về được quy định trong Chương trình môn Toán lớp 1 theo từng thời điểm kiểm tra.

- Bài kiểm tra được chấm theo thang điểm 10; điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn thành số nguyên không có phần thập phân theo nguyên tắc từ 0,5 trở lên làm tròn thành 1.

1.2.4. Cấu trúc đề kiểm tra

- Đề kiểm tra có 10 câu hỏi gồm các câu hỏi trắc nghiệm khách quan (Đúng sai, điền khuyết, nhiều lựa chọn, trả lời ngắn, đối chiếu nối cặp,...) và các câu hỏi tự luận, mỗi câu hỏi 1 điểm.

- Tỷ lệ các câu hỏi **trắc nghiệm khách quan 30%, tự luận 70%**.

- Phần giải toán có lời văn thông qua các tình huống thực tế trong cuộc sống được tích hợp vào hai mạch kiến thức với mức độ khác nhau. Lưu ý đối với lớp 1 chỉ ở mức độ nhìn mô hình hoặc đọc đề bài để điền vào phép tính.

2. Đối với các lớp 2, 3, 4 và 5:

Thực hiện theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và thông tư 22/2016/TT-BGDĐT (điều 15, khoản 2, điểm b và điều 18, khoản 2). Tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kì cho các lớp. Đề kiểm tra cần có sự thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo khách quan, chất lượng của đề kiểm tra. Đề kiểm tra do giáo viên dạy môn học biên soạn, sau đó nộp về tổ chuyên môn, Tổ chuyên môn chọn lọc và thống nhất gửi về 02 đề (Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng phê duyệt). Lãnh đạo nhà trường kiểm tra, điều chỉnh cho đúng theo quy định. Nhà trường chịu trách nhiệm duyệt đề và chọn lại 01 đề chính thức và 01 đề dự phòng làm đề kiểm tra cho khối.

- Đề kiểm tra định kì phù hợp với yêu cầu cần đạt và các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học, gồm các câu hỏi, bài tập

- Đề kiểm tra cần chính xác và khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh; đảm bảo bám sát theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của từng khối lớp, tỷ lệ kiến thức trong đề được phân bố tương đối như sau:

+ Mức 1: nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kỹ năng đã học: **40%**;

+ Mức 2: hiểu kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân: **30%**;

+ Mức 3: biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống: **20%**;

+ Mức 4: vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt: **10%**.

2.1. Môn Tiếng Việt

- Bám sát các nội dung quy định tại điều 10, thông tư 22/2016/TT-BGDĐT và công văn số 4056/GDĐT-TH của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các mức độ nhận thức cần đạt trong đề kiểm tra.

- Các tổ chuyên môn cần chú ý khắc phục những điểm góp ý, hạn chế, rút kinh nghiệm về đề kiểm tra đã triển khai, thực hiện chuyên đề ở lần kiểm tra trước đây và tại các đợt sinh hoạt chuyên môn: Cấu trúc ma trận đề (số điểm từng câu, mức độ nhận thức của câu hỏi, số câu hỏi, tính chính xác của ma trận và đề...), mức độ đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, cách ra câu lệnh, nội dung hỏi ở mức độ nhận thức 4, độ “mở” của đề Tập làm văn.

- Khuyến khích giáo viên sử dụng các văn bản ngoài sách giáo khoa đối với nội dung Đọc hiểu; bài tập Luyện từ và Câu mới, mẫu bài tập hướng đến khắc phục lỗi

chính tả phương ngữ của học sinh theo nội dung đã được tập huấn, nội dung đề (đặc biệt là đề Đọc hiểu) cần hướng đến việc kiểm tra khả năng đọc và đọc hiểu của học sinh (tiến đến khuyến khích văn hóa đọc trong các giai đoạn giảng dạy sau).

- Việc tính điểm cho bài kiểm tra Tiếng Việt tiếp tục được thực hiện theo quy định tại mục 2.1 của công văn số 3287/GDĐT-TH ngày 08/9/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về Hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm học 2017-2018. Kết quả bài kiểm tra Tiếng Việt là kết quả trung bình cộng từ 04 kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết. Cụ thể là:

- Điều chỉnh quy định về cách tính điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt như sau:

+ Bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt gồm có hai kĩ năng: kĩ năng Đọc và kĩ năng Viết.

+ Điểm kiểm tra cho từng kĩ năng Đọc và Viết là **tổng điểm** của các nội dung trong từng kĩ năng và **không được làm tròn**. Ví dụ: điểm nội dung Đọc thăm là 5, nội dung Đọc thành tiếng là 3,5; như vậy điểm của kĩ năng Đọc là **8,5**.

+ Điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt là **trung bình cộng** điểm của 2 kĩ năng Đọc, Viết **quy về thang điểm 10 (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn 0,5 thành 1**. Ví dụ: điểm kiểm tra của 02 kĩ năng Đọc, Viết là 19, quy về thang điểm 10 là **9,5 (làm tròn số thành 10)**.

- Thực hiện ma trận ở bài đọc hiểu đối với lớp 2, 3, 4 và 5

+ Lớp 2, 3: 4 điểm; Lớp 4, 5: 5 điểm.

2.2. Môn Toán

2.2.1. Thời gian làm bài

- Lớp 2, 3, 4, 5: 40 phút

2.2.2. Hình thức

+ Trắc nghiệm khách quan: 3 điểm

+ Tự luận: 7 điểm

2.2.3. Đối với các mạch kiến thức

+ Số học (khoảng 50%): Củng cố về các vòng số và các phép tính trên các vòng số.

+ Đại lượng và đo đại lượng (khoảng 30%): tập trung về các bảng đơn vị đo.

+ Yếu tố hình học (khoảng 20%): Xoay quanh các hình trọng tâm trong chương trình đã học.

+ Giải toán có lời văn: tăng cường các bài toán phát triển năng lực thông qua các tình huống trong thực tế cuộc sống được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng; không ra các dạng toán khó trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi. **Lưu ý:**

Lớp 2: 1 lời giải và 1 phép tính;

Lớp 3: tối đa 2 lời giải và 2 phép tính;

Lớp 4: tối đa 3 lời giải và 3 phép tính;

Lớp 5: tối đa 4 lời giải và 4 phép tính.

2.3.4. Ra đề kiểm tra theo ma trận

+ Khung ma trận, mỗi ô trong khung thể hiện rõ: Nội dung mạch kiến thức, kỹ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi.

+ Khung ma trận câu hỏi, mỗi ô trong khung thể hiện rõ: Hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho từng câu hỏi.

3. Môn Khoa học, Lịch sử-Địa lý (Khối 4,5)

- Thực hiện theo công văn số 3694/GDĐT-TH ngày 24/10/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp Tiểu học kể từ năm học 2018-2019. Tuy nhiên, cần lưu ý:

- Thống nhất số bài ôn tập Khoa học: 8 bài; ôn tập Lịch sử: 4 bài; ôn tập Địa lí: 4 bài. Nội dung bài do trường chủ động chọn và thống nhất chung trong tổ khối.

- Khoa học: trắc nghiệm **6 điểm** – tự luận **4 điểm**;

- Lịch sử - Địa lý: trắc nghiệm **6 điểm** – tự luận **4 điểm**. Mỗi phân môn chiếm 50% điểm (Lịch sử: 5 điểm – 3 điểm trắc nghiệm và 2 điểm tự luận; tương tự môn Địa lý).

+ Thời gian làm bài môn Khoa học, Lịch sử-Địa lý: **từ 35 đến 40 phút**.

4. Môn Tin học (Khối 2,3,4,5)

+ Bài kiểm tra tin học được tiến hành trong thời gian một tiết học, với 30% thời gian cho bài tập lý thuyết và 70% cho bài tập thực hành.

+ Đề kiểm tra bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn tin học được hướng dẫn kèm theo văn bản số 3393/GDĐT-TH của Sở GD&ĐT ngày 25/9/2014 về hướng dẫn dạy và học môn tin học cấp tiểu học năm học 2014 – 2015.

+ Kết quả kiểm tra là kết quả tổng cộng từ hai phần lý thuyết và thực hành với tỉ lệ 50% lý thuyết và 50% thực hành.

5. Môn tiếng Anh (khối 2,3,4,5)

- Nội dung đề kiểm tra cần đáp ứng theo yêu cầu của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo quy định Đề án Ngoại ngữ 2020 của Bộ GD&ĐT và tiệm cận với các chuẩn đánh giá quốc tế (Pearson Test of English YT, Cambridge hoặc TOEFL Primary).

- Bám sát theo công văn số 2847/GDĐT-TH ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về “Hướng dẫn chuyên môn tiếng Anh cấp Tiểu học năm học 2020 – 2021”.

- Học sinh học theo bộ sách nào, đề kiểm tra được soạn trên ngữ liệu của sách đó.

- Bài kiểm tra cuối học kì I môn tiếng Anh được tiến hành trong thời gian 40 phút cho 03 kỹ năng: Nghe (10 phút), Viết (15 phút), Đọc (15 phút). Riêng kỹ năng Nói, giáo viên kiểm tra theo các tiết dạy trên lớp.

- Kết quả kiểm tra môn tiếng Anh là kết quả trung bình cộng từ 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.

III. LỊCH KIỂM TRA CỤ THỂ

1. Chương trình tiếng Việt

NGÀY	KHỐI 1	KHỐI 2	KHỐI 3	KHỐI 4	KHỐI 5
22/12/2020 Thứ Ba				LỊCH SỬ ĐỊA LÍ	LỊCH SỬ ĐỊA LÍ
23/12/2020 Thứ Tư		TIẾNG VIỆT	TIẾNG VIỆT		
24/12/2020 Thứ Năm				KHOA HỌC	KHOA HỌC
29/12/2020 Thứ Ba	TIẾNG VIỆT			TIẾNG VIỆT	TIẾNG VIỆT
30/12/2020 Thứ Tư		TOÁN	TOÁN		
31/12/2020 Thứ Năm	TOÁN			TOÁN	TOÁN

2. Chương trình tiếng Anh đề án

NGÀY	KHỐI 1	KHỐI 2	KHỐI 3	KHỐI 4	KHỐI 5
21/12/2020 Thứ Hai			NGHE – ĐỌC – VIẾT		NGHE – ĐỌC – VIẾT
28/12/2019 Thứ Hai		NGHE – ĐỌC – VIẾT		NGHE – ĐỌC – VIẾT	

Lưu ý: - Ca thi buổi sáng: Khối 2 và khối 5

- Ca thi buổi chiều: Khối 3 và khối 4

3. Chương trình Tin học

NGÀY	KHỐI 1	KHỐI 2	KHỐI 3	KHỐI 4	KHỐI 5
21/12/2020 Thứ Hai		TIN HỌC			
24/12/2020 Thứ Năm			TIN HỌC		
28/12/2019 Thứ Hai					TIN HỌC
30/12/2020 Thứ Tư				TIN HỌC	

IV. TỔ CHỨC COI ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ CUỐI HKI CÁC MÔN HỌC

1. Tổ chức coi kiểm tra

Kiểm tra cuối học kì I là việc làm định kỳ nhằm nắm bắt tình hình học sinh. Do đó, giáo viên không tạo áp lực cho cha mẹ học sinh và các em học sinh trước khi kiểm tra. Trong khi kiểm tra, giáo viên chủ nhiệm coi kiểm tra tại lớp mình phụ trách, tổ chức cho học sinh làm dưới dạng một bài kiểm tra bình thường, nhẹ nhàng, không gây căng thẳng.

- Hiệu trưởng phân công, chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp thực hiện công tác giám thị.

- Không đổi chéo giáo viên trong khối thực hiện công tác giám thị, không thực hiện chia phòng và đánh số báo danh. Giám thị coi kiểm tra định kì cuối HKI tuyệt đối không được nhắc bài, giải bài trong suốt quá trình coi kiểm tra.

- Thời gian kiểm tra, buổi kiểm tra của các môn Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử-Địa lí các khối lớp thi vào buổi sáng. Riêng môn thi Tin học và Tiếng Anh sẽ được sắp xếp sao cho phù hợp với thời khóa biểu của nhà trường và thống nhất chung trong khối.

2. Tổ chức chấm bài kiểm tra

Khi chấm bài, giáo viên chủ nhiệm ghi nhận những hạn chế của học sinh trong quá trình làm bài, kèm theo lời nhận xét tường minh để giúp giáo viên và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng và rèn luyện cho học sinh trong học kì II.

- Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và thông tư 22/2016/TT-BGDĐT.

- Bài kiểm tra cuối kì được giáo viên sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế, cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (mười), không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân, đồng thời trả lại cho học sinh theo quy định tại mục 2 về đánh giá định kì (văn bản số 4056/GDĐT-TH) của Sở Giáo dục và Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chuyên môn tổ chức chấm tập trung các môn KTĐK cuối học kì I tại trường theo lịch chấm của nhà trường.

- Hiệu phó chuyên môn trường thống nhất đáp án, hướng dẫn giáo viên trong tổ chấm bài kiểm tra của học sinh theo từng lớp. Giáo viên chủ nhiệm sẽ là giám khảo 1 chấm bài kiểm tra định kì cuối học kì I và giám khảo 2 chấm thẩm định theo xác suất từ 15% trở lên tất cả các môn KTĐK học kì I (Phó hiệu trưởng, khối trưởng chấm thẩm định).

- Nếu điểm chấm thẩm định có sai lệch với giám khảo thì báo cáo Chủ tịch Hội đồng quyết định.

- Giáo viên không được tùy tiện nâng điểm, hạ điểm khi chấm bài làm của học sinh.

- Phần hướng dẫn chấm phải rõ ràng, có đáp án chính xác, cụ thể và chi tiết tránh chung chung. Giám khảo nhận xét bài làm của học sinh trên bài kiểm tra, khóa bài kiểm tra.

V. MỘT SỐ LƯU Ý

- Giáo viên bộ môn Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật cho học sinh kiểm tra trong tuần 14 và 15 (từ 16/12/2019 đến 27/12/2019).

- Giáo viên Tin học chịu trách nhiệm việc xây dựng lịch kiểm tra cụ thể của bộ môn Tin học, thông báo lịch kiểm tra đến các giáo viên chủ nhiệm và các bộ phận có liên quan.

- Môn tiếng Anh (Nói): giáo viên tiếng Anh chủ động tổ chức kiểm tra theo các tiết dạy trên lớp trong tuần 14 và tuần 15.

- Giáo viên Chủ nhiệm thông báo lịch thi cụ thể đến phụ huynh và học sinh.

- Đề nghị giáo viên coi thi có mặt đúng giờ, giáo viên nữ mặc áo dài.

- Giáo viên Bộ môn nghỉ dạy khi học sinh thi, về làm công tác hỗ trợ thi tại cơ sở I và phân hiệu II theo thời khóa biểu của ngày thi. Thời khóa biểu Tiếng Anh bản ngữ, Tiếng Anh phần mềm tổ trưởng Tiếng Anh chủ động lên lịch đổi tiết dạy và thông báo với hiệu phó chuyên môn. Tiết Tin học sử dụng làm kiểm tra cuối kì I là tiết học của học sinh trong tuần, giáo viên Tin học có nhiệm vụ thông báo lịch thi, ca thi đến GVCN lớp.

- Các khối chủ động kế hoạch ôn tập cho học sinh.

- Nội dung của tuần ôn tập môn Tiếng Việt phải được thể hiện rõ trên kế hoạch tuần của các khối. 

Nơi nhận:

- PGD
- Tổ trưởng Chuyên môn (để thực hiện);
- Lưu: VT, bộ phận chuyên môn.

